

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành,
TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 74/TTr-SLĐTBXH ngày 21/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 (bốn) TTHC mới ban hành; 03 (ba) TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình tại Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Nội dung chi tiết các TTHC mới ban hành thực hiện theo Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban

nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



***L. Văn Hoàn**



Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, TTHC BỊ BỎ BỎ TRONG LĨNH VỰC
BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 810 /QĐ-UBND ngày 27 /4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; UBND cấp xã;	Không	Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/04/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
2.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; UBND cấp xã;	Không	
3.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; UBND cấp xã;	Không	
4.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; UBND cấp xã;	Không	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm (<i>Thủ tục số 03 mục II phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.000489.000.00.00.H54	Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
2.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm (<i>Thủ tục số 02 mục II phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 1.000506.000.00.00.H54	
3.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế. (<i>Thủ tục số 04 mục II phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>) Mã số TTHC: 2.000602.000.00.00.H54	